

Bản án số: 74/2019/DS - ST

Ngày: 30 – 11 - 2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thọ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trương

2. Ông Châu Văn Bằng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Võ Minh Châu –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 30 tháng 11 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 147/2019/TLST-DS ngày 23/9/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2017/QĐXXST-DS ngày 28/10/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bạch Thị B

Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Ngọc P, địa chỉ: ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang – Là đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 8 năm 2019) (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Bùi Kim L (tên gọi khác Bùi Thị Kim L; Nguyễn Thị Thùy L)

Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26/8/2019 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Bạch Thị B cùng đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trình bày:

Bà có cho bà Bùi Kim L vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

- Ngày 15/6/2018 (âm lịch) bà cho bà L vay số tiền 40.000.000 đồng

- Ngày 09/7/2018 (âm lịch) vay số tiền 40.000.000 đồng

- Ngày 09/9/2018 (âm lịch) vay số tiền 20.000.000 đồng
- Ngày 11/9/2018 (âm lịch) vay số tiền 40.000.000 đồng
- Ngày 18/9/2018 (âm lịch) vay số tiền 10.000.000 đồng

Tổng các lần vay 150.000.000 đồng. Tính đến ngày 11/8/2018 bà L đã trả cho bà được 40.000.000 đồng tiền lãi và 22.000.000 đồng tiền gốc. Nay bà đồng ý chuyển 20.000.000 đồng từ số tiền bà L trả lãi vào số tiền gốc. Như vậy, tổng cộng bà L đã trả cho bà 42.000.000 đồng tiền gốc còn nợ lại bà 108.000.000 đồng. Tuy nhiên do trong số các lần vay đó có 04 lần vay bà L ký nhận tiền, còn lần vay 10.000.000 đồng vào ngày 18/9/2018 (âm lịch) vì số tiền ít nên bà không cho ký nhận tiền nên bà yêu cầu bà Bùi Kim L trả cho bà số tiền gốc 98.000.000 đồng và đề nghị tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xuất phát từ việc nguyên đơn cho bị đơn vay tiền nhưng không thực hiện việc trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nên xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do bị đơn cư trú tại huyện Châu Thành nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết.

[2] Về thủ tục tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Xét thấy trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà L đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo tham gia phiên hòa giải, bà L nhận các thông báo của Tòa nhưng không hợp tác ký nhận các biên bản giao nhận, không đến Tòa và cũng không có bất cứ văn bản thể hiện yêu cầu phản tố hay ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trong khi đó, nguyên đơn cung cấp được cho Tòa án giấy biên nhận nợ có chữ ký và chữ viết của người nhận Nguyễn Thị Thùy L vì bà L cho rằng bà còn có tên này. Từ đó khẳng định dù bà L có viết tên Lê Thị Thùy L thì cũng là chữ viết và chữ ký của bà, không phải của người nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ biên nhận nợ để xác định bà Bùi Kim L có vay của bà B là phù hợp, cụ thể, theo giấy biên nhận nợ có chữ ký của bà L nhận nợ vào ngày 15/6/2018 âm lịch vay 40.000.000 đồng, ngày 09/7/2018 âm lịch vay 40.000.000 đồng, ngày 09/9/2018

âm lịch vay 20.000.000 đồng, ngày 11/9//2018 âm lịch vay 40.000.00 đồng. Riêng trong giấy biên nhận nợ bà B còn ghi vào ngày 18/9/2018 âm lịch còn cho bà L vay 10.000.000 đồng nhưng không có chữ ký và chữ viết của bà L. Tại Tòa, bà B cũng thống nhất không yêu cầu bà L trả số tiền 10.000.000 đồng vay ngày 18/9/2018. Vì vậy, xác định bà L vay của bà Bé 04 lần với số tiền 140.000.000 đồng. Bà B thừa nhận bà L đã trả tổng cộng cho bà được 42.000.000 đồng nên bà L còn phải trả cho bà B 98.000.000 đồng.

Đối với số tiền lãi, nguyên đơn thừa nhận bị đơn trả 20.000.000 đồng, bị đơn vắng mặt nên không xác định được số lãi cụ thể bị đơn đã đóng cho nguyên đơn bao nhiêu, các bên không tranh chấp, không yêu cầu xem xét lại số tiền lãi đã đóng nên không đề cập xem xét.

Về khoản lãi chậm thực hiện nghĩa vụ: Do bị đơn vắng mặt và trong biên nhận nợ không ghi lãi nên không xác định được lãi bên thỏa thuận. Tại phiên tòa, nguyên đơn thống nhất tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2016 nên buộc bị đơn phải trả lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 trong phần quyết định của bản án là phù hợp.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do Tòa án chấp nhận buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 98.000.000 đồng nên theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí với mức thu là (5 % của số tiền phải trả) 4.900.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi của nguyên đơn

1. Buộc bị đơn bà Bùi Kim L phải trả cho bà Bạch Thị B số tiền 98.000.000 đồng (Chín mươi tám triệu đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Kim L phải chịu 4.900.000 đồng (Bốn triệu chín trăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Bạch Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.700.000 đồng tại biên lai số 0001254 ngày 23/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của bị đơn.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân T. Hậu Giang
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án huyện Châu Thành;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN
(đã ký)**

LÊ THỊ THỌ